

# ASPIRIN pH8

Viên bao phim tan trong ruột

## CÔNG THỨC:

Aspirin starch tương đương acid Acetylsalicylic..... 500mg

Tá dược vừa đủ..... 1 viên

(Sodium starch glycolate, Acid Stearic, Colloidal silicon dioxide, Lactose, Methacrylic acid copolymer, Polyethylene glycol 4000, Talc, Diethyl phtalate, Isopropyl alcohol, Acetone).

## TÍNH CHẤT:

- Acid Acetylsalicylic (Aspirin) có tác dụng giảm đau, hạ nhiệt, chống viêm.
- Ngoài ra, Aspirin còn có tác dụng ức chế không thuận nghịch kết tập tiểu cầu.

## CHỈ ĐỊNH:

- Giảm đau trong các trường hợp: viêm khớp, thấp khớp, đau dây thần kinh, đau cơ, đau lưng, bong gân, đau răng, đau do các chấn thương như gãy xương, trật khớp, đau sau giải phẫu.
- Điều trị triệu chứng các trường hợp nhức nửa đầu, cảm cúm thông thường.
- Điều trị hội chứng Kawasaki.

**CÁCH DÙNG:** Uống nguyên viên, không được nhai hay nghiền ra.

- Người lớn: 1 viên/lần, ngày 2 - 4 lần.
- Trẻ em từ 12 - 15 tuổi: 1 viên/lần, ngày 1 - 2 lần.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Người bệnh có tiền sử bệnh hen.
- Người bệnh ưa chảy máu, giảm tiểu cầu, loét dạ dày hoặc tá tràng đang tiến triển, suy tim, suy gan, suy thận.

## THẬN TRỌNG:

- Khi sử dụng đồng thời với thuốc chống đông máu hoặc có nguy cơ chảy máu khác.
- Không kết hợp Aspirin với các thuốc kháng viêm không steroid và các Glucocorticoid.
- Khi sử dụng cho trẻ em vì nguy cơ gây hội chứng Reye.
- Cần phải giảm liều ở người cao tuổi vì có khả năng bị nhiễm độc Aspirin.

## THỜI KỲ MANG THAI - CHO CON BÚ:

- Phụ nữ mang thai: không được dùng Aspirin trong 3 tháng cuối cùng của thời kỳ mang thai.
- Phụ nữ trong thời kỳ đang cho con bú: có thể dùng thuốc vì ở liều điều trị bình thường Aspirin có rất ít nguy cơ xảy ra tác dụng có hại ở trẻ bú sữa mẹ.

## TÁC DỤNG PHỤ:

- Buồn nôn, nôn, khó tiêu, khó chịu ở thượng vị, ợ nóng, đau dạ dày, loét dạ dày - ruột, mệt mỏi, ban, mày đay, thiếu máu tan huyết, yếu cơ, khó thở, sốc phản vệ.

Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

## TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Làm giảm nồng độ của Indomethacin, Naproxen và Fenoprofen.
- Làm tăng nguy cơ chảy máu đối với Warfarin.
- Làm tăng nồng độ Methotrexate, thuốc hạ Glucose huyết (Sulphonylurea, Phenytoin, acid Valproic) trong huyết thanh và tăng độc tính.
- Làm giảm tác dụng các thuốc acid Uric niệu như Probenecid và Sulphinpyrazone.

## QUÁ LIỀU & CÁCH XỬ TRÍ:

Nếu trường hợp quá liều xảy ra, đề nghị đến ngay cơ sở y tế gần nhất để nhân viên y tế có phương pháp xử lý.

## HẠN DÙNG:

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Không sử dụng thuốc hết hạn dùng.

## BẢO QUẢN:

Nơi khô (độ ẩm  $\leq 70\%$ ), nhiệt độ  $\leq 30^{\circ}\text{C}$ , tránh ánh sáng.

## TRÌNH BÀY:

- Vi 10 viên bao phim tan trong ruột. Hộp 5 vi.
- Vi 10 viên bao phim tan trong ruột. Hộp 20 vi.

Sản xuất theo TCCS

Đề xa tầm tay trẻ em.  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**  
297/5 Lý Thường Kiệt - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam